

**CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021**

TT	KHOẢN	ĐIỂM	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT	LÝ DO ĐỀ XUẤT
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ					
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ				
		a	"Công ty" là Công ty Cổ phần Tasco;		
		b	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;		
				<i>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i>	Cập nhật theo quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp hiện hành
		c	"Luật Doanh nghiệp" <i>có nghĩa</i> là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội <i>thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014</i> ;	"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số <i>59/2020/QH14</i> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam <i>thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</i>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp hiện hành
		d	"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán <i>ngày 29 tháng 6 năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010</i> ;	"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số <i>54/2019/QH14</i> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam <i>thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</i>	Cập nhật theo Luật Chứng khoán hiện hành
		e	"Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;		
		f	"Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;		
		g	"Người điều hành Công ty" hoặc "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê chuẩn.		
		h	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <i>Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6</i> Luật Chứng khoán;	"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <i>Khoản 46 Điều 4</i> Luật Chứng khoán;	Cập nhật theo Điều 4 Luật Chứng khoán 2019
				<i>"Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;</i>	Cập nhật theo Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
				<i>"Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần</i>	Cập nhật theo Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
		i	"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <i>khoản 9 Điều 6</i> Luật chứng khoán;	"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <i>Khoản 18 Điều 4</i> Luật Chứng khoán;	Cập nhật theo Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019
		j	"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;		
				<i>"Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</i>	Cập nhật theo Khoản 26 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019
		k	"Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.		
	2		Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.		
	3		Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	4	Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này. Trường hợp mâu thuẫn, các từ hoặc thuật ngữ đã được trong Luật Doanh nghiệp được ưu tiên áp dụng.		
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY				
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty			
	1	1. Tên Công ty Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: TASCO JOINT STOCK COMPANY Tên Công ty viết tắt: HUD - TASCO		
	2	2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.		
	3	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.37738558 Fax: 024.37738559 E-mail: tc@tasco.com.vn Website: www.tasco.com.vn		
	4	4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.		
	5	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô hạn.		
3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty			
	1	1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.		
		2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật:		
	a	a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;		
	b	b. Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án;		
	c	c. Điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;		
	d	d. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;		
	e	e. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo đúng quy định của pháp luật;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2	f	f. Trình Hội đồng quản trị các này sinh trong điều hành vượt quá quyền hạn có ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và các dự kiến trích lập, sử dụng quỹ;		
	g	g. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị quyết định;		
	h	h. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động;		
	i	i. Vào ngày <i>31 tháng 10</i> hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, kế hoạch tài chính sử dụng và huy động vốn trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính <i>năm (05) năm</i> ;	Bỏ	Nội dung này đã được quy định tại Điểm g, Khoản 4, Điều 35 Điều lệ này
	j	j. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;		
	k	k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;		
	l	<i>l. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là “bản dự toán”) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định của pháp luật và quy định tại các quy chế của Công ty;</i>	<i>l. Chuẩn bị các bản kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.</i>	Điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn tại Tasco, nội dung chi tiết đã được quy định cụ thể tại quy trình nội bộ đảm bảo đúng quy định pháp luật
	m	m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;		
	n	n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;		
	o	o. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;		
p	p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định.			
3	Trách nhiệm của Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật:			
	a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;			
	b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;			
	c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc Tổng Giám đốc và người có liên quan của Tổng Giám đốc làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;			

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

		d. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm quy định tại các điểm a, b, c khoản này;		
		e. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ được giao, trách nhiệm và phải báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.		

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

	1	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Sử dụng vốn dư hoặc nhàn rỗi để đầu tư tài chính hoặc kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Để phù hợp với sự phát triển và biến đổi của thị trường Công ty có thể bổ sung hoặc thay đổi ngành nghề kinh doanh, kinh doanh những mặt hàng mà nhà nước không cấm, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.</p>		
	2	<p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập nhằm huy động vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; phát huy các mặt hàng truyền thống (sản phẩm giao thông, thủy lợi) mở rộng sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực khác (xây dựng dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh xăng dầu, thương mại...); không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; ổn định việc làm cho người lao động, tạo điều kiện để cổ đông và người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp; tăng lợi nhuận, tăng cổ tức, hoàn thành nghĩa vụ, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước.</p>		

5 Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

	1	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>		
	2	<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		

6 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

	1	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm hiện tại là: Bằng số: 2.686.319.650.000 Đồng Việt Nam. Bằng chữ: Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 268.631.965 cổ phần với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.</p>		
	2	<p>2. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động: mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết tối thiểu cho các hoạt động của Công ty; cung cấp vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác và đầu tư tài chính.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

3	3. Không được dùng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các quyết định sửa điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất.		
4	4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.		
5	5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.		
6	6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.		
7	7. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.		
8	8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.		
9	9. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.		
10	10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.		
7	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu		
1	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.		
2	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <i>khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</i>	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <i>Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp</i>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	3	<p>3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>		
	4	<p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>		
8 Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác				
	1	<p>1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		
9 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần				
	1	<p>1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>		
	2	<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>		
10 Điều 10. Thu hồi cổ phần				
	1	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p>		
	2	<p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>		
	3	<p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

4	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	<i>Bổ Điều 10 do nội dung này chỉ áp dụng đối với trường hợp kinh doanh thành lập doanh nghiệp</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mười tám phần trăm (18%) một (01) năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.		
6	6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.		

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

11 Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:			
1	1. Đại hội đồng cổ đông;		
2	2. Hội đồng quản trị;		
3	3. Ban kiểm soát;		
4	4. Tổng Giám đốc.		

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

12 Điều 12. Quyền cổ đông

1	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.		
2	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:		
a	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;		
b	b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;		
c	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;		
d	d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;		
e	<i>e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</i>	<i>e. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa thông tin không chính xác của mình</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	f	f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;		
	g	g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;		
	h	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;		
	i	i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp theo quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	j	j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
3		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
	a	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;	<i>(Sửa đổi nội dung đưa xuống thành khoản 4)</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
	b	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông phổ thông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định, đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ đông và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt thẩm quyền;		
	c	c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;	Cập nhật theo Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	d	d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;		
	e	e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
4			<i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật doanh nghiệp

13 Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:				
1		1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành <i>ngợi quyết</i> , quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	Bổ sung để phù hợp với tình hình sử dụng Nghị quyết trên thực tế
2		2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:		
	a	a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;		
	b	b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;		
	c	c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;		
	d	d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử.		
3		3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua đủ và đúng thời hạn. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;		
4		4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;		
5		5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;		
6		6. Chịu trách nhiệm về khoản lỗ của Công ty tương ứng với cổ phần mình đóng góp;		
7		7. Trường hợp tham gia hoạt động sản xuất của Công ty, có trách nhiệm bảo vệ tài sản, lợi ích của Công ty; giữ bí mật về nghề nghiệp, hoạt động của Công ty, bí quyết về công nghệ sản xuất của Công ty		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

8		8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:		
	a	a. Vi phạm pháp luật;		
	b	b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;		
	c	c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.		
9		9. Những cổ đông tham gia điều hành quản lý Công ty làm thất thoát tiền hoặc tài sản của Công ty hoặc gây thiệt hại cho Công ty, Công ty theo quyết định của mình thực hiện một trong các biện pháp sau để bảo đảm trách nhiệm:		
	a	a. Nếu số tiền hoặc tài sản (quy thành tiền) nhỏ hơn số cổ phần hiện có tại thời điểm gây thất thoát, Công ty có quyền đề nghị Trung tâm lưu ký chứng khoán và các thành viên lưu ký thực hiện phong tỏa toàn bộ số lượng cổ phần đó cho đến khi cổ đông đã bồi thường đủ số tiền thất thoát. Hoặc yêu cầu cổ đông đó giao dịch thỏa thuận cho một cổ đông khác do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định để thu hồi số tiền thất thoát;		
	b	b. Nếu số tiền hoặc tài sản (quy thành tiền) hoặc giá trị bị thiệt hại lớn hơn số cổ phần hiện có tại thời điểm gây thất thoát, ngoài việc xử lý như quy định tại Điểm a Khoản này, Công ty có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bồi thường phần giá trị thiệt hại còn lại.		

14 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1		1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (trừ trường hợp gia hạn theo quy định Pháp luật). Hội đồng quản trị là cơ quan triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường dưới hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến (trừ trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i> Hội đồng quản trị là cơ quan triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường dưới hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến (trừ trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Điều chỉnh cho phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
2		2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.		
3		3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:		
	a	a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	b	b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo (bao gồm Báo cáo tài chính) quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;		
	c	c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của luật pháp hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;		
	d	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;		
	e	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	f	f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
4		4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:		
	a	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;		
	b	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp ;	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp ;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

		c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
15 Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông		
1		1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	
	a	a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;		
	b	b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;		
	c	c. Báo cáo của Ban kiểm soát;		
	d	<i>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</i>	<i>d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
	e		<i>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
			<i>f. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
2		2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:		
			<i>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</i>	Bổ sung theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm a, Khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	a	a. Thông qua báo cáo tài chính năm;	a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán ;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 2, Điều 175 Luật Doanh nghiệp 2020
	b	b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;		
	c	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;		
	d	<i>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</i>	<i>d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm m, Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	e	e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <i>và thay thế</i> thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và <i>Thành viên</i> Ban kiểm soát;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm k, Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm c, Khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	f	<i>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</i>	<i>f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm k, Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm k, Khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	g	g. <i>Bổ sung và sửa đổi</i> Điều lệ Công ty;	g. <i>Quyết định sửa đổi, bổ sung</i> Điều lệ công ty;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm đ, Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm đ, Khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	h	<i>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</i>	<i>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
	i	i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;		
	j	j. Tổ chức lại <i>và</i> giải thể (<i>thanh lý</i>) Công ty <i>và chỉ định người thanh lý;</i>	j. <i>Quyết định</i> tổ chức lại, giải thể công ty	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm 1, Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm i, Khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	k	k. <i>Kiểm tra và</i> xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;	k. <i>Xem xét,</i> xử lý vi phạm của <i>thành viên</i> Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông <i>của</i> Công ty	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
	l	l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;		
	m	m. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;		
	n	n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của Công ty;		
	o	o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <i>Khoản 1 Điều 162</i> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <i>Khoản 1 Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	p		<i>p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i>	Cập nhật theo Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
	q	q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
3		3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:		
	a	a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	b	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.		
4		4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		
16	Điều 16. Đại diện theo ủy quyền		Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
1		<i>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</i>	<i>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</i>	Cập nhật theo Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020
2		2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:		
	a	a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của của tổ chức được ủy quyền dự họp;		
	b	b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;		
	c	c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.		
3		3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).		
4		4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:		
	a	a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;		
	b	b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

		c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.		
17 Điều 17. Thay đổi các quyền				
	1	<i>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</i>	<i>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</i>	Phù hợp với quy định tại Khoản 1 và Khoản 6, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 Cập nhật theo quy định tại Điều 17 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	2	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.	Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.	Bổ sung thêm Điều 20 để đầy đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
	3	3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.		
18 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông				
	1	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.		
	2	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	a	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <i>được lập không sớm hơn năm (05) ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <i>được lập không quá 10 ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật theo quy định tại Khoản 1, Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020
	b	b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;		
	c	c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;		
	d	d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;		
	e	e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;		
	f	f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;		
	g	g. Các công việc khác phục vụ đại hội.		
3		3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất mười (10) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất hai mươi một ngày (21) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
	a	a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;		
	b	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;		
	c	c. Phiếu biểu quyết;		
	d	d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;		
	e	e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

4	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.		
5	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 của Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:		
a	a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;		
b	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên <i>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</i> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 18 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
c	c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;		
d	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
6		<i>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</i>	Cập nhật theo Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020
19 Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông			
1	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <i>cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <i>trên năm mươi phần trăm (50%)</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Cập nhật theo quy định tại Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020
2	<i>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</i>	<i>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</i>	Cập nhật theo quy định tại Khoản 2, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

3	<p><i>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</i></p>	<p><i>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</i></p>	<p>Cập nhật theo quy định tại Khoản 3, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
20	Điều 20. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông		
1	<p>1. Trước khi khai mạc, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>		
2	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>		
3	<p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>		
4	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>		
5	<p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

6		6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.		
7		7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:		
	a	a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;		
	b	b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;		
	c	c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.		
8		8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.		
9		Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:		
	a	a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;		
	b	b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;		
	c	c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.		
10		10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:		
	a	a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);		
	b	b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

11		11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.		
12			<i>12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i>	Bổ sung theo khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
13		12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		
21	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
1		<i>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</i>		
	a	<i>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</i>	<i>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều này và Khoản 9 Điều 23 Điều lệ này.</i>	Cập nhật theo quy định tại Khoản 2, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
	b	<i>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</i>		
	c	<i>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.</i>		
2		<i>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</i>	<i>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</i>	Cập nhật lại thứ tự cho logic và phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020
3		<i>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</i>	<i>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 6 Điều này và Khoản 9 Điều 23 Điều lệ này</i>	Điều chỉnh lại thứ tự lên Khoản 1

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	a	a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;	Bỏ	Phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 hiện hành
	b	b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;		
	c	c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;		
	d	d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;		
	e	e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;		
	f	f. Việc tổ chức lại hay giải thể Công ty;	f. Tổ chức lại hay giải thể Công ty;	
	g	g. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện; Dự án đầu tư; Hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.		
4		4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi <i>trình tự và thủ tục thông qua</i> nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi <i>trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua</i> nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Cập nhật theo quy định tại Khoản 2, Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020
			<i>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i>	Phù hợp quy định khoản 5 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
			<i>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</i>	Phù hợp với quy định tại Khoản 6, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 Cập nhật theo quy định tại Điều 17 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

22 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

1	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <i>Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</i>	Phù hợp quy định Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020
2	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <i>mười lăm (15)</i> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <i>mười (10)</i> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Cập nhật theo quy định tại Khoản 2 điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
3	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:		
	a	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
	b	b. Mục đích lấy ý kiến;	
	c	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	
	d	d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;	
	e	e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;	
	f	f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;	
	g	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
4	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.		
5	5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:		
	a	a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.	
	b	b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.	

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

		c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.		
	6	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:		
		a a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;		
		b b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;		
		c c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;		
		d d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;		
		e e. Các vấn đề đã được thông qua;		
		f f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.		
	7	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.		
	8	8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
	9	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>trên năm mươi phần trăm (50%)</i> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật theo quy định tại Khoản 4 điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
23	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

1		1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:		
	a	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;		
	b	b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;		
	c	c. Chương trình và nội dung cuộc họp;		
	d	d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;		
	e	e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;		
	f	f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;		
	g	g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;		
	h	h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;		
	i	i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i> Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Cập nhật theo Khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
2	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <i>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</i> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Cập nhật theo khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020	
3	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Cập nhật để phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 23 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC	
4	4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.			
5	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	5. <i>Nghị quyết</i> , biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 23 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC	
24	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Phù hợp với tên văn bản thực tế công ty đang sử dụng

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

		Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:		
1		1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.		
2		2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.		
		Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này		

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

25 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị				
1		1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:		
	a	a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;		
	b	b. Trình độ học vấn;		
	c	c. Trình độ chuyên môn;		
	d	d. Quá trình công tác;		
	e	e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;		
	f	f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;		
	g	g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);		
	h	h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);		
	i	i. Các thông tin khác (nếu có).		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2		2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <i>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</i> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên theo tỷ lệ nắm giữ sau đây:	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên theo tỷ lệ nắm giữ sau đây:	
	a	a. Từ <i>năm phần trăm (5%)</i> đến dưới <i>mười phần trăm (10%)</i> được đề cử một (01) ứng viên;	a. Từ <i>mười phần trăm (10%)</i> đến dưới <i>hai mươi phần trăm (20%)</i> được đề cử một (01) ứng viên;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
	b	b. Từ <i>mười phần trăm (10%)</i> đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;	b. Từ <i>hai mươi phần trăm (20%)</i> đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
	c	c. Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;		
	d	d. Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;		
	e	e. Từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;		
	f	f. Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;		
	g	g. Từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và		
	h	h. Từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
3		3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.		
26 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị				
1		1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và <i>nhiều nhất là</i> mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <i>tối thiểu</i> là năm (05) người và <i>tối đa không quá</i> mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2		2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên <i>độc lập</i> Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị <i>là thành viên không điều hành</i> phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị; <i>b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</i> - <i>Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i> - <i>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</i> - <i>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</i>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 26 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
3		3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:		
	a	a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;		
	b	b. Có đơn từ chức;		
	c	c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;		
	d	d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;		
	e	e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		
	f	f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;		
	g	g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
4		4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		
5		5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.		
27 Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị				
1		1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.		
2		2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

a	a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;		
b	b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;		
c	c. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;		
d	d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;		
e	e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;		
f	f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;		
g	g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;		
h	h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;		
i	i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.		
j	j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;		
k	k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;		
l	l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;		
m	m. Quyết định giá bán <i>cổ phiếu</i> , trái phiếu <i>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</i> ;	m. Quyết định giá bán <i>cổ phần</i> , trái phiếu của Công ty;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm d, Khoản 2, Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
n	n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, <i>báo cáo quản trị Công ty</i> lên Đại hội đồng cổ đông;	n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định Điểm n, Khoản 2, Điều 27 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
o	o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;		
p	p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;		
q	q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của luật pháp, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

3		3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:		
	a	a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;		
	b	b. Thành lập các công ty con của Công ty;		
	c	c. Trong phạm vi quy định tại <i>khoản 2 Điều 149</i> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <i>khoản 3 Điều 162</i> của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	c. Trong phạm vi quy định tại <i>khoản 2 Điều 153</i> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <i>khoản 3 Điều 167</i> của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	d	d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;		
	e	e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;		
	f	f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá một (01) tỷ Đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;		
	g	g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần góp vốn tại các công ty khác thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;		
	h	h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;		
	i	i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần mỗi loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;		
	j	j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.		
	k	k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.		
	4	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.		
5	5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.			
28	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật	

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

			<i>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</i>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 28 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
1		1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được <i>nhận</i> thù lao cho công việc <i>của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị</i> . Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được <i>hưởng</i> thù lao cho công việc <i>và thưởng</i> . Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	
2		2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của <i>từng</i> thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty <i>và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</i> .	Cập nhật để phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020
3		3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.		
4		4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.		
29 Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị				
1		1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch		
2		2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	3	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		
	4	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.		
30 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị				
	1	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.		
	2	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <i>ba (03)</i> ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	Đề xuất sửa theo thời gian quy định tại luật Doanh nghiệp và phù hợp với tình hình thực tế của Tasco
	3	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:		
	a	a. Ban kiểm soát;		
	b	b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;		
	c	c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;		
	d	d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;		
	e	e. Các trường hợp khác nếu có.		
	4	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

5		5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.		
6		6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.		
7		7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.		
8		8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp		
9		9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:		
	a	a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	b	b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.		
10		10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.		
11		11. Biểu quyết.		
	a	a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;		
	b	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;		
	c	c. Theo quy định tại điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;		
	d	d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.		
	e	e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

12		<p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p>		
13		<p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>		
14		<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp.</p>		
15		<p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>		
31	Điều 31. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị			
1		<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>		
2		<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

32 Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty				
1		1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <i>Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</i> Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 5 Điều này.	Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty <i>Theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</i> Trường hợp kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 5 Điều này.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp 2020
2		2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:		
	a	a. Có hiểu biết về pháp luật;		
	b	b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;		
	c	c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.		
3		3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.		
4		4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:		
	a	a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;		
	b	b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;		
	c	c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;		
	d	d. Tham dự các cuộc họp;		
	e	e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;		
	f	f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;		
	g	g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.		
			<i>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
	h	h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	i	i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.		
5		5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:		
	a	a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;		
	b	b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;		
	c	c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;		
	d	d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;		
	e	e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;		
	f	f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.		

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

33 Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

	1	1.Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.		
--	----------	--	--	--

34 Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 34. Người điều hành Công ty

Cập nhật theo quy định tại Điều lệ Mẫu cho thống nhất

	1	1.Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.		
	2	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.		

35 Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

1		1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.		
2		2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.		
3		3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:		
	a	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.		
	b	b. Là cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty		
	c	c. Có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín cao, thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty là trên hết.		
	d	d. Có trình độ hiểu biết xã hội, có kinh nghiệm quản lý, năng lực thực sự trong điều hành hoạt động của Công ty.		
	e	e. Không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.		
4		4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:		
	a	a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;		
	b	b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;		
	c	c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;		
	d	d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	e.	Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;		
	f.	Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;		
	g.	Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	i. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, kế hoạch tài chính sử dụng và huy động vốn trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính ba (03) năm ;	Điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn hoạt động tại Tasco
	h.	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;		
	i.	Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.		
5		5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.		
6		6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.		

IX. BAN KIỂM SOÁT

36 Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên				
	1	Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.		
	2	Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

37 Điều 37. Kiểm soát viên				
1		1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.		
2		2. Kiểm sát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <i>khoản 1, Điều 164 Luật Doanh nghiệp</i> p, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <i>Điều 169 Luật Doanh nghiệp</i> , Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	a.	Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;		
	b.	Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.		
3				Lỗi văn bản thiếu
4		<i>4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i>	<i>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</i>	Cập nhật theo khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020
	a.	Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;		
	b.	Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;		
	c.	Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.		
5		5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:		
	a.	Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;		
	b.	Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;		
	c.	Có đơn từ chức và được chấp thuận;		
	d.	Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.		
6		6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:		
	a.	Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;		
	b.	Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;		
	c.	Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	d	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.		
38	Điều 38. Ban kiểm soát		Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	
1		1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <i>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</i> và các quyền, nghĩa vụ sau:	1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <i>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</i> và các quyền, nghĩa vụ sau:	Cập nhập theo Luật Doanh nghiệp 2020
	a	a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;		
	b	b. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;		
	c	c. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;		
	d	d. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;		
	e	e. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý;		
	f	f. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần <i>trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục</i> ;	f. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần;	Cập nhật theo Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
	g	g. Giám sát việc thanh lý tài sản, hoàn trả vốn hoặc tài sản cho các chủ nợ và cổ đông khi giải thể, phá sản, nhượng bán;		
	h	h. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;		
	i	i. Giám sát việc đưa vốn của Công ty vào các liên doanh, liên kết và kết quả thu được từ hoạt động này.		
	j	j. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;		
	k	k. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;		
	l	l. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	m	m.Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phân hồi của ban quản lý;		
	n	n. Khi phát hiện ra có trường hợp vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.		
	o	o. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;		
	p	p. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;		
	q	q. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;		
	r	r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định, quy chế nội bộ Công ty.		
	s	s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
2		2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.		
3		<i>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</i>	<i>3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</i>	Theo quy định tại Điều 40 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
4		<i>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</i>	<i>4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</i>	
			<i>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</i>	

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

			<i>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020
			<i>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</i>	

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

39 Điều 39. Trách nhiệm cần trọng				
1		1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.		
40 Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi				
1		1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <i>Điều 159</i> Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <i>Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp 2020
2		2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.		
3		3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.		
4		4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

5		<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>		
	a	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, và người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p>		
	b	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>		
	c	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
41 Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường				
1		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2	<p>2 Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cân trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>		
3	<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>		
a	<p>a. Đã hành động trung thực, cân trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p>		
b	<p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>		
4	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>		

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

42 Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ			
1	<p><i>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></p>	<p><i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 49 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
		<p><i>Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 49 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.		
3	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.		
4	4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.		

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

43 Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1	1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.		
2	2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.		

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

44 Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.		
2	2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.		
3	3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

4	<p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>		
5	<p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>		
6	<p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>		
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ		TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
45 Điều 45. Tài khoản ngân hàng			
1	<p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>		
2	<p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p>		
3	<p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>		
46 Điều 46. Năm tài chính			
1	<p>1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.</p>		
47 Điều 47. Chế độ kế toán			
1	<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>		
2	<p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

3	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.		
---	--	--	--

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

48 Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1	1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.		
2	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.		
3	3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.		
4	4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.		
5	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		

49 Điều 49. Báo cáo thường niên

	Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		
--	---	--	--

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

50 Điều 50. Kiểm toán

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

	1	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.		
	2	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		
	3	3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.		
	4	4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.		
XVII. CON DẤU			DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	
51	Điều 51. Con dấu		Dấu của doanh nghiệp	
	1	1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.		
	2	2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.		
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ			GIẢI THỂ CÔNG TY	
52	Điều 52. Chấm dứt hoạt động		Điều 52. Giải thể công ty	
	1	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:		
	a	a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;		
	b	b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;		
	c	c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
	d	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		
	2	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.		
53	Điều 53. Thanh lý			

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

1	<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>		
2	<p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p>		
	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p>		
	<p>a. Các chi phí thanh lý;</p>		
	<p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p>		
	<p>c. Nợ thuế;</p>		
	<p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p>		
	<p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>		

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

54 Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:</p>		
a	<p>a. Cổ đông với Công ty;</p>		
b	<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;</p>		
	<p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải quá trình giải quyết tranh chấp.</p>		

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

2	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nêu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.		
3	3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.		

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

55 Điều 55. Điều lệ Công ty

1	1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.		
2	2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.		

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

56 Điều 56. Ngày hiệu lực

1	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tasco nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tasco nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Do đề xuất bỏ Điều 10 nếu được ĐHĐCĐ thông qua sẽ điều chỉnh lại thứ tự các điều cho phù hợp
a	a. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.		
2	2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.		
3	3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.		